TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Bích Tuyền;

2. Bà Hà Mộng Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 72/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HN ngày 16 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-DS ngày 15/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Tấn Ph, sinh năm 1977, nơi cư trú: lô A, khóm H, phường P, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Phan Thị D, sinh năm 1978, nơi cư trú: lô A, khóm H, phường P, thành phố D, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2019 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Tấn Ph trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn bà Phan Thị D tự quen nhau nên tiến đến hôn nhân vào năm 1999, sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Thời gian

đầu, vợ chồng chung sống hạnh Ph về sau phát sinh mâu thuẫn vì giữa nguyên đơn và bị đơn nhận thấy không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nguyên đơn và bị đơn không còn sống chung cách nay khoảng 10 năm. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn.

Về con chung, trong thời gian chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Lê Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 05/8/2000 (đã trưởng thành) và Lê Kỳ Ph1, sinh ngày 29/4/2004. Nguyên đơn giao con chung tên Lê Kỳ Ph1 cho bị đơn nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị D thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau vào năm 1999, không đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, bị đơn xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do nguyên đơn thường xuyên đi nhậu, không quan tâm đến vợ con dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm. Bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung, bị đơn đồng ý nuôi con chung tên Lê Kỳ Ph1, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bị đơn không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với con chung theo quy định.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (gọi chung là Bộ luật Tố tụng dân sự); Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét sử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định, ông Ph, bà D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận ông Ph và bà D là vợ chồng.

Về con chung, cháu Lê Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 05/8/2000 đã trưởng thành nên không đề cập. Trong quá trình tố tụng, các đương sự đã thống nhất

thỏa thuận, bà D tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lê Kỳ Ph1, sinh ngày 29/4/2004, ông Ph không phải cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy sự thỏa thuận này là phù hợp với nguyện vọng của cháu Phi và không trái quy định của pháp luật, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi dạy con chung.

Đối với tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1]Về thẩm quyền, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc cho biết: Ông Ph, bà D không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Xét, không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Xem xét yêu cầu nuôi dạy con chung, nguyên đơn và bị đơn xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 05/8/2000 (đã trưởng thành) và Lê Kỳ Ph1, sinh ngày 29/4/2004. Các đương sự thống nhất, bị đơn tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lê Kỳ Ph1. Nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung. Xét, sự thống nhất giữa nguyên đơn, bị đơn về người trực tiếp nuôi dạy con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu Phi và không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận giao cháu Phi cho bị đơn tiếp tục nuôi dạy, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

Bị đơn cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nguyên đơn trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung Da trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

[6] Về án phí, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Tấn Ph và bà Phan Thị D là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Phan Thị D được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lê Kỳ Ph1, sinh ngày 29/4/2004. Ông Lê Tấn Ph không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Phan Thị D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Tấn Ph trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung Da trên các căn cứ do pháp luật quy định

3. Về án phí: Ông Lê Tấn Ph phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0007841 ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; ông Ph đã nộp đủ án phí.

Bà Phan Thị D không phải chịu án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử Ph thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm